TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/DS-ST
Ngày 13 - 5 - 2021
"V/v tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh N2ng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Bằng
Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 690/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hụi",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 12A, xã K, huyện T, tỉnh C.

Chỗ ở: Ấp 12B, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Diệp Huệ N2; Địa chỉ: Ấp 12A, xã K, huyện T, tỉnh C. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện:

Vào ngày 01/8/2018 (âm lịch) bà có mở 01 dây hụi, loại 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 25 chưng, bà Diệp Huệ N2 có tham gia 01 chưng. Lý do tranh chấp là vào ngày 01/3/2019 bà N2 hốt hụi, đến ngày 01/6/2020 âm lịch mãn hụi, bà N2 còn nợ 06 lần hụi chết chưa đóng, 6 lần x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

Vào ngày 10/5/2018 (âm lịch) bà có mở 01 dây hụi, loại 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 27 chưng, bà N2 có tham gia 01 chưng. Lý do tranh chấp là vào ngày 10/6/2018 bà N2 hốt hụi, đến ngày 10/6/2020 âm lịch mãn hụi, bà N2 còn nợ 05 lần hụi chết chưa đóng, 5 lần x 1.000.000 đồng = 5.000.000 đồng.

Vào ngày 10/5/2018 âm lịch bà có mở 01 dây hụi, loại 500.000 đồng, 01 tháng khui 02 lần, hụi gồm có 40 chưng, bà N2 có tham gia 02 chưng. Lý do tranh chấp bà N2 đã hốt hết 02 chưng, đến ngày 25/12/2019 âm lịch mãn hụi, bà N2 còn nợ 20 lần hụi chết chưa đóng của mỗi chưng, 20 lần x 500.000 đồng x 2 chưng = 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà N2 còn nợ đối với 03 dây hụi trên là 31.000.000 đồng.

Hình thức gom hụi đối với các dây hụi trên, bà N1 đến trực tiếp nhà bà N2 để gom hụi, việc đóng hụi từng lần thì không có làm biên nhận. Các lần bà N2 hốt hụi, bà N1 chung tiền hụi có làm giấy giao tiền hụi. Bà N2 là người trực tiếp giao dịch hụi với bà N1, nên bà N1 chỉ yêu cầu bà N2 có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Tại phiên toà, bà N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Diệp Huệ N2 có trách nhiệm trả cho bà số tiền 31.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 04/02/2021, bị đơn bà Diệp Huệ N2 trình bày:

Ngày 01/8/2018 (âm lịch) bà có tham gia 01 dây hụi do bà N1 làm chủ hụi, loại 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 25 chưng, bà tham gia 01 chưng, bà đã hốt hụi, đến ngày 01/6/2020 âm lịch mãn hụi. Dây hụi này, bà còn nợ bà N1 06 lần hụi chết, 6 lần x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

Ngày 10/5/2018 (âm lịch) bà có tham gia 01 dây hụi do bà N1 làm chủ hụi, loại 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 27 chưng, bà tham gia 01 chưng, bà đã hốt hụi, đến ngày 10/6/2020 âm lịch mãn hụi. Dây hụi này, bà còn nợ bà N1 05 lần hụi chết, 5 lần x 1.000.000 đồng = 5.000.000 đồng.

Ngày 10/5/2018 (âm lịch) bà có tham gia 01 dây hụi do bà N1 làm chủ hụi, loại 500.000 đồng, 01 tháng khui 02 lần, hụi gồm có 40 chưng, bà tham gia 02 chưng, bà đã hốt hết 02 chưng, bà không nhớ thời gian hốt hụi, sau khi hốt hụi bà đã đóng hụi chết cho bà N1. Dây hụi này, bà còn nợ bà N1 10 lần hụi chết đối với mỗi chưng, 10 lần x 500.000 đồng x 2 chưng = 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà còn nợ bà N1 đối với 03 dây hụi trên là 21.000.000 đồng. Bà không đồng ý trả số tiền 31.000.000 đồng theo yêu cầu của bà N1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi 31.000.000 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng hụi đã giao kết, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền hụi và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp hụi"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về trình tự thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Giao dịch hụi phát sinh sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn:*

Qua lời trình bày của các đương sự thì xác định được nguyên đơn có mở các dây hụi: Hụi ngày 01/8/2018 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, hụi có 25 chưng, một tháng khui 01 lần, bị đơn tham gia 01 chưng. Hụi ngày 10/5/2018 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, hụi có 27 chưng, một tháng khui 01 lần, bị đơn tham gia 01 chưng. Hụi ngày 10/5/2018 âm lịch, loại 500.000 đồng, hụi có 40 chưng, một tháng khui 02 lần, bị đơn tham gia 02 chưng.

Nguyên đơn xác định hụi ngày 01/8/2018 bị đơn còn nợ 6.000.000 đồng, hụi ngày 10/5/2018 (loại 1.000.000 đồng) bị đơn còn nợ 5.000.000 đồng, hụi ngày 10/5/2018 (loại 500.000 đồng) bị đơn còn nợ 20.000.000 đồng, tổng nợ 31.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 31.000.000 đồng.

Bị đơn thừa nhận hụi ngày 01/8/2018 bị đơn còn nợ 6.000.000 đồng, hụi ngày 10/5/2018 (loại 1.000.000 đồng) bị đơn còn nợ 5.000.000 đồng. Riêng dây hụi ngày 10/5/2018 (loại 500.000 đồng) bị đơn chỉ thừa nhận nợ 10.000.000 đồng. Tổng

nợ 21.000.000 đồng, không đồng ý trả 31.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy, đối với khoản nợ 11.000.000 đồng của hai dây hụi ngày 01/8/2018 và ngày 10/5/2018 (loại 1.000.000 đồng), bị đơn đã thừa nhận thuộc trường hợp nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với khoản nợ của dây hụi ngày 10/5/2018 (loại 500.000 đồng), bị đơn thừa nhận đã hốt hết 02 chưng, nguyên đơn đã chung tiền hụi đủ cho bị đơn và có làm biên nhận, biên nhận có chữ ký của bị đơn (bút lục số 10). Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì đã thanh toán cho nguyên đơn và còn nợ lại 10.000.000 đồng. Nên có căn cứ xác định bị đơn còn nợ 20.000.000 đồng của dây hụi này.

Do bị đơn là bà Diệp Huệ N2 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ hụi theo thỏa thuận, đồng thời nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do bà N1 và bà N2 xác lập, nên cần buộc bà N2 phải có trách nhiệm trả cho bà N1 tổng số tiền hụi 31.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 18, Điều 21, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1, buộc bị đơn bà Diệp Huệ N2 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1 số tiền 31.000.000 đồng.

[5] *Về án phí:* Căn cứ các quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.550.000 đồng đối với số tiền Tòa án buộc trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn dự nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 186, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; các Điều 15, 18, 21, 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1. Buộc bị đơn bà Diệp Huệ N2 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1 số tiền 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Buộc bị đơn bà Diệp Huệ N2 phải nộp số tiền 1.550.000 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị Tuyết N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Diệp Huệ N2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Từ Thanh Nhung